

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tuyển chọn và quản lý giảng viên đi đào tạo theo Đề án 89 của Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển chọn và quản lý giảng viên đi đào tạo theo Đề án 89 của Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Trần Viết Khanh

QUY ĐỊNH

Về tuyển chọn và quản lý giảng viên đi đào tạo theo Đề án 89 của Đại học Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1031 /QĐ-ĐHTN ngày 21 tháng 3 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này quy định việc tuyển chọn và quản lý giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đi học theo Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030” ban hành theo Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 89), bao gồm những quy định chung; tiêu chí, quy trình tuyển chọn và công tác quản lý giảng viên được cử đi đào tạo; tuyển sinh, tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo.

2. Văn bản này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại các tỉnh Lào Cai và Hà Giang, các đơn vị thuộc và trực thuộc (sau đây gọi chung là đơn vị) của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN), giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn tham gia tuyển chọn để nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 theo quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ sở cử đi* là cơ sở giáo dục đại học trong nước (không bao gồm những cơ sở giáo dục đại học tư thục có vốn đầu tư nước ngoài) có nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên ở trình độ tiến sĩ và trình độ thạc sĩ trong phạm vi Đề án 89.

2. *Cơ sở đào tạo* là cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức giáo dục trong nước và ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền của nước sở tại cho phép tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ; đáp ứng quy định của Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT, được Bộ Giáo dục và Đào tạo xét chọn và công bố trong phạm vi Đề án 89.

3. *Giảng viên cơ hữu* là giảng viên của cơ sở cử đi đáp ứng quy định tại điểm e

khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

4. *Giảng viên nguồn* là những người tại thời điểm Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành đã trúng tuyển hoặc đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước hoặc ở nước ngoài, chưa là giảng viên cơ hữu nhưng có nguyện vọng và được cơ sở cử đi cam kết tiếp nhận làm giảng viên cơ hữu sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ thông qua hợp đồng đào tạo giảng viên nguồn.

5. *Người học* là giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đáp ứng quy định của Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT, được cơ sở cử đi tuyển chọn và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ từ Đề án 89 trong thời gian theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, trong đó *người học tiến sĩ* là người học chương trình đào tạo tiến sĩ, *người học thạc sĩ* là người học chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 3. Trình độ, ngành đào tạo và hình thức đào tạo

1. Trình độ và ngành đào tạo

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ các ngành theo quy định, ưu tiên những ngành được xác định cần tập trung đào tạo trong chiến lược phát triển nhân lực trình độ cao của các đơn vị trong ĐHTN ở từng thời điểm cho đến năm 2030 và trong giai đoạn tiếp theo.

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

2. Hình thức đào tạo bao gồm:

a) Đào tạo tập trung toàn thời gian trong nước.

b) Đào tạo tập trung toàn thời gian ở nước ngoài.

c) Liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ một phần thời gian học tập trung trong nước và một phần thời gian học tập trung ở nước ngoài, trong đó thời gian đào tạo ở nước ngoài tối đa không quá 02 năm.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của người được cử đi học

1. Người học có các quyền sau:

a) Được cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 theo thời hạn phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tại cơ sở đào tạo.

b) Được cơ sở cử đi tạo điều kiện, bố trí thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo và tiếp nhận trở lại làm việc sau khi tốt nghiệp.

c) Được nhận thêm hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình học tập, nghiên cứu trong trường hợp khoản hỗ trợ tài chính này không phải là học bổng toàn phần, đồng thời không có mâu thuẫn giữa quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ kinh phí của Đề án 89 với quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ tài chính theo quy định của các tổ chức, cá nhân này.

d) Được hưởng các quyền của công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở

nước ngoài theo quy định hiện hành.

2. Người học có các trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo cơ sở cử đi tiến độ, kết quả học tập và nghiên cứu định kỳ 06 tháng hoặc khi kết thúc kỳ học, năm học trong thời gian đào tạo và khi tốt nghiệp chương trình đào tạo.

b) Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn và được cấp bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo.

c) Trong thời gian học tập, nghiên cứu hoặc chậm nhất trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp, người học tiến sĩ phải công bố kết quả nghiên cứu liên quan trực tiếp tới đề tài luận án, được minh chứng bằng ít nhất 02 công bố khoa học đối với người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài, hoặc ít nhất 01 công bố khoa học đối với người học ở các hình thức còn lại trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây viết tắt là WoS/Scopus) với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ. Riêng đối với người học tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục thể thao có thể thay thế công bố khoa học bằng 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận.

d) Tự bảo đảm tài chính để tiếp tục học tập, nghiên cứu và hoàn thành chương trình đào tạo trong trường hợp thời gian đào tạo theo tiếp nhận của cơ sở đào tạo dài hơn thời hạn tối đa được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án 89 quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT.

đ) Thực hiện trách nhiệm của người học theo pháp luật của nước sở tại và theo quy định hiện hành đối với công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

e) Quay trở về cơ sở cử đi ngay sau khi tốt nghiệp và làm việc trong thời gian tối thiểu theo quy định của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo đối với người học không phải là công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định 143); theo quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định 101) đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan.

g) Thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đã nhận từ Đề án 89 trong thời gian học tập, nghiên cứu theo quy định tại Nghị định 143 đối với người học không phải là công chức, viên chức và theo quy định tại Nghị định 101 đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan trong trường hợp vi phạm những quy định tại Điều 3 của Nghị định 143, Điều 7 của Nghị định 101 và không thực hiện đầy đủ những trách nhiệm khác của người học quy định tại Điều này.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ người học

1. Kinh phí hỗ trợ cho người học tập trung toàn thời gian trong nước bao gồm:

a) Học phí nộp cho cơ sở đào tạo.

b) Chi phí hỗ trợ học tập, nghiên cứu.

c) Chi phí hỗ trợ 01 lần cho người học tiến sĩ tham dự hội thảo, hội nghị ở nước

ngoài hoặc thực tập ngắn hạn ở nước ngoài tối đa 03 tháng trong thời gian học tập, nghiên cứu.

2. Kinh phí hỗ trợ cho người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài bao gồm:

a) Học phí nộp cho cơ sở đào tạo.

b) Chi phí hỗ trợ học tập, nghiên cứu.

3. Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ, người học được nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này khi học tập, nghiên cứu trong nước và theo quy định tại khoản 2 Điều này khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

4. Kinh phí đào tạo hỗ trợ cấp cho người học được đảm bảo từ nguồn ngân sách của Bộ Tài chính trong thời hạn theo quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được tính từ thời điểm người học nhập học chính thức tại cơ sở đào tạo hoặc từ thời điểm quyết định có hiệu lực đối với người học tiến sĩ; nhưng tối đa không quá 04 năm (48 tháng) đối với người học tiến sĩ và không quá 02 năm (24 tháng) đối với người học thạc sĩ.

5. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án 89 quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này với nội dung chi và mức chi cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Tài chính không bao gồm chi phí đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ (nếu có) cho người học trước khi nhập học các chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ chính thức.

Điều 6. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

Trong quá trình đào tạo, người học được tạm dừng học, chuyển ngành đào tạo và các vấn đề phát sinh khác (nếu có):

1. Người học có nguyện vọng và lý do chính đáng để tạm dừng học tập, nghiên cứu phải có đơn đề nghị và được cơ sở cử đi, cơ sở đào tạo chấp thuận. Trong thời gian tạm dừng học tập, nghiên cứu, người học không được nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án 89. Người học tiếp tục được cấp kinh phí hỗ trợ khi quay trở lại học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo nếu tổng thời gian tạm dừng không quá 12 tháng đối với người học tiến sĩ và không quá 06 tháng đối với người học thạc sĩ. Tổng thời gian được cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 không vượt quá thời hạn tối đa quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này.

2. Người học có nguyện vọng chuyển ngành đào tạo hoặc chuyển cơ sở đào tạo không vì lý do bị kỷ luật hoặc bị buộc thôi học phải có đơn đề nghị và được cơ sở cử đi chấp thuận. Kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 tiếp tục được cấp cho người học nếu đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Việc chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo chỉ thực hiện 01 lần trong cả quá trình học tập, nghiên cứu khi thời hạn được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án 89 còn bằng hoặc hơn một nửa thời gian theo quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kinh phí hỗ trợ cho người học khi theo học ngành mới hoặc tại cơ sở xin chuyển đến bằng hoặc thấp hơn tổng mức kinh phí dự kiến người học được hỗ trợ theo quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo trừ đi số kinh phí đã cấp cho người học khi theo học ngành đào tạo hoặc tại cơ sở đào tạo xin chuyển đi; trong trường hợp

cao hơn, người học tự bảo đảm phần kinh phí chênh lệch nhưng phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người học theo quy định của Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT và Quy định này.

c) Thời gian được cấp kinh phí hỗ trợ không vượt quá thời hạn tối đa quy định tại khoản 4 Điều 5 của Quy định này tính từ thời điểm nhập học chính thức theo ngành đào tạo hoặc tại cơ sở đào tạo xin chuyển đi theo quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Kinh phí hỗ trợ sẽ dùng cấp cho người học trong trường hợp người học vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù giam hoặc bị buộc thôi học do vi phạm quy định của cơ sở đào tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu.

4. Người học thạc sĩ được đăng ký dự tuyển để chuyển tiếp theo học ngay tiến sĩ và nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Đã tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ hoặc chứng nhận tốt nghiệp thạc sĩ trong cùng năm đăng ký tuyển chọn đi học tiến sĩ.

b) Có điểm đánh giá tối thiểu 60% số học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ ở mức xếp hạng cao nhất.

c) Được cơ sở đào tạo tiếp nhận vào học ngay chương trình đào tạo tiến sĩ phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo ở trình độ thạc sĩ.

5. Căn cứ vào đề nghị của người học và của cơ sở cử đi, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định đối với những nội dung quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Chương II

TIỂU CHÍ, QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIẢNG VIÊN ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO

Điều 7. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn

Giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn được tham gia tuyển chọn để nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Là công dân Việt Nam, tuổi không quá 40 tính đến năm tham gia tuyển chọn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đủ sức khỏe để đi học; không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật khi tham gia tuyển chọn đi học toàn thời gian ở nước ngoài.

2. Tham gia tuyển chọn đi học tiến sĩ, thạc sĩ hoặc đang theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ lần đầu tiên.

3. Giảng viên cơ hữu đã đáp ứng điều kiện tuyển sinh của chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo dự kiến tiếp nhận học chính thức trong năm đăng ký tuyển chọn hoặc năm kế tiếp liền kề; hoặc giảng viên nguồn, giảng viên cơ hữu đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn.

4. Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ ngân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho việc học tập, nghiên cứu ở trình độ dự tuyển tính đến thời điểm được tuyển chọn.

Điều 8. Tiêu chí tuyển chọn

Tiêu chí tuyển chọn ứng viên được xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Tuổi không quá 40 tính đến năm tham gia tuyển chọn.
2. Nhu cầu của đơn vị đào tạo đối với đội ngũ giảng viên theo từng ngành.
3. Khả năng nghiên cứu khoa học và xuất bản công trình.
4. Năng lực sử dụng ngoại ngữ.
5. Có quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trong nước/thư chấp nhận của cơ sở đào tạo ở nước ngoài hoặc đang là nghiên cứu sinh ở trong nước/nước ngoài.
6. Thâm niên công tác.

Điều 9. Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn của ĐHTN

ĐHTN thực hiện tuyển chọn giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đối với Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế, các đơn vị trực thuộc và thuộc theo thẩm quyền. Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn để xét duyệt hồ sơ. Thành phần Hội đồng gồm có đại diện Ban Giám đốc, đại diện các Ban chức năng: Ban Đào tạo, Ban Tổ chức Cán bộ, Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại, Ban Kế hoạch - Tài chính. Thư ký Hội đồng là chuyên viên Ban Đào tạo hoặc chuyên viên Ban Tổ chức Cán bộ.

2. Hội đồng tuyển chọn của đơn vị đào tạo

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn để xét duyệt hồ sơ giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn. Thành phần bao gồm có đại diện Ban Giám hiệu, Thường trực Đảng ủy Trường, Hội đồng Trường, Phòng Đào tạo, bộ phận Hợp tác quốc tế, bộ phận Tài chính, bộ phận Tổ chức cán bộ.

Thư ký Hội đồng là chuyên viên Phòng Đào tạo hoặc chuyên viên bộ phận Tổ chức cán bộ.

Điều 10. Quy trình thực hiện tuyển chọn

Bước 1: Đơn vị đào tạo thông báo công khai về việc đăng ký tuyển chọn đi đào tạo theo Đề án 89.

Bước 2: Thư ký Hội đồng tuyển chọn tổng hợp hồ sơ tuyển chọn.

Bước 3: Hội đồng tuyển chọn tổ chức họp lần 1 để xét tuyển chọn ứng viên.

Bước 4: Thư ký Hội đồng ghi biên bản cuộc họp và tổng hợp kết quả xét tuyển chọn theo thứ tự ưu tiên.

Bước 5: Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi kết quả xét tuyển chọn về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bước 6: Sau khi có thông báo về số lượng người học được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tuyển chọn tổ chức họp lần 2 để xác định người trúng tuyển theo số lượng được phân giao theo nhóm ngành.

Bước 7: Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo kết quả họp lần 2 đến ứng viên.

Bước 8: Khi có kết quả trúng tuyển từ cơ sở đào tạo, ứng viên nộp hồ sơ cá nhân về Phòng Đào tạo hoặc bộ phận Tổ chức cán bộ theo biểu mẫu quy định; đồng thời Thủ trưởng đơn vị đào tạo gửi danh sách người học được tiếp nhận vào học chính thức đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN.

Đơn vị đào tạo cần xây dựng biên bản đối với tất cả các bước của quá trình xét chọn

Điều 11. Bảo lưu kết quả tuyển chọn

Ứng viên muốn bảo lưu kết quả tuyển chọn thì nộp đơn xin bảo lưu kết quả tuyển chọn về Hội đồng xét tuyển chọn:

1. Người học được bảo lưu kết quả tuyển chọn ở cơ sở cử đi tính từ khi có kết quả tuyển chọn tới thời điểm được cơ sở đào tạo thông báo tiếp nhận vào học chính thức trong thời gian:

a) Tối đa đến 06 tháng đối với người học tập trung toàn thời gian trong nước và người học các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ.

b) Tối đa đến 12 tháng đối với người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài.

2. Sau thời hạn 03 tháng đối với trường hợp học tập trung toàn thời gian trong nước hoặc sau 06 tháng đối với trường hợp học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài trong giai đoạn bảo lưu quy định tại khoản 1 Điều này, người học được đề nghị với cơ sở cử đi và Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển cơ sở đào tạo hoặc hình thức đào tạo nếu chưa hoặc không được nhập học chính thức tại cơ sở đào tạo đã đăng ký khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Được các cơ sở đào tạo xin chuyển đến tiếp nhận vào học chính thức.

b) Kinh phí hỗ trợ cho người học tại cơ sở đào tạo xin chuyển đến bằng hoặc thấp hơn tổng kinh phí dự kiến chi cho người học theo kết quả tuyển chọn của cơ sở cử đi.

3. Quá thời hạn bảo lưu quy định tại khoản 1 Điều này, nếu người học không nhập học chính thức tại cơ sở đào tạo đã đăng ký hoặc tại cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển đến sẽ bị loại khỏi danh sách tuyển chọn của cơ sở cử đi. Người học nếu có nguyện vọng đăng ký tham gia tuyển chọn lại tại cơ sở cử đi trong các đợt triển khai tiếp theo.

4. Thời gian được nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 tính từ thời điểm người học bắt đầu nhập học chính thức tại cơ sở đào tạo đã đăng ký hoặc tại cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển đổi.

5. Việc chuyển cơ sở đào tạo quy định tại Điều này không thuộc phạm vi chuyển cơ sở đào tạo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

Điều 12. Quy định về hồ sơ đào tạo

1. Giảng viên được tuyển chọn cử đi đào tạo thực hiện hồ sơ gồm có:

- a) Phiếu đăng ký đi học theo Đề án 89.
- b) Lý lịch của giảng viên.
- c) Giấy báo trúng tuyển/Thư chấp thuận của cơ sở đào tạo (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch và công chứng, chứng thực theo quy định).
- d) Bằng cấp và bảng điểm học tập trước đó (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch và công chứng, chứng thực theo quy định).
- đ) Giấy tờ chứng nhận trình độ ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.
- e) Bản sao quyết định tuyển dụng viên chức hoặc hợp đồng lao động.
- g) Đề cương nghiên cứu; danh mục bài báo, báo cáo nghiên cứu khoa học đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành (nếu có).
- h) Bản cam kết của người được cử đi.
- k) Công văn của Thủ trưởng đơn vị đề cử giảng viên đi đào tạo theo Đề án 89.
- l) Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

2. Giảng viên được tuyển chọn đang là nghiên cứu sinh thì chỉ cần nộp bổ sung Phiếu đăng ký đi học theo Đề án 89 và Bản cam kết của người được cử đi.

Điều 13. Quản lý giảng viên được cử đi đào tạo

Việc quản lý giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đi học theo Đề án 89 được thực hiện theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động của ĐHTN; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động của đơn vị và các quy định về quyền và trách nhiệm của người học của Đề án 89.

Chương III

TUYỂN SINH, TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 14. Ngành tuyển sinh

Các ngành đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ theo Đề án 89 của ĐHTN được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt gồm:

TT	Ngành	Trình độ	Đơn vị đào tạo
1	Kinh tế nông nghiệp	Tiến sĩ	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
2	Quản lý kinh tế	Tiến sĩ	
3	Lý luận & Lịch sử Giáo dục	Tiến sĩ	Trường Đại học Sư phạm
4	Quản lý giáo dục	Tiến sĩ	
5	Di truyền học	Tiến sĩ	
6	Sinh thái học	Tiến sĩ	
7	Ngôn ngữ Việt Nam	Tiến sĩ	

TT	Ngành	Trình độ	Đơn vị đào tạo
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tiến sĩ	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
9	Kỹ thuật cơ khí	Tiến sĩ	
10	Y tế công cộng	Tiến sĩ	Trường Đại học Y-Dược
11	Nội khoa	Tiến sĩ	
12	Khoa học cây trồng	Tiến sĩ	Trường Đại học Nông Lâm
13	Ký sinh trùng và vi sinh vật học thú y	Tiến sĩ	
14	Lâm sinh	Tiến sĩ	
15	Quản lý đất đai	Tiến sĩ	
16	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất	Thạc sĩ	Trường Đại học Sư phạm

Điều 15. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh chính thức trình độ tiến sĩ và trình độ thạc sĩ theo Đề án 89 được tổ chức cùng các đợt tuyển sinh sau đại học hằng năm của ĐHTN. Căn cứ nhu cầu, chỉ tiêu tuyển sinh và điều kiện bảo đảm chất lượng triển khai đào tạo của các đơn vị đào tạo, ĐHTN tổ chức xét tuyển thêm một số lần khác nhau do Giám đốc ĐHTN quyết định.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Quy định tuyển sinh trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ theo Đề án 89 thực hiện theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ hiện hành của ĐHTN.

Điều 16. Hồ sơ dự tuyển

1. Yêu cầu về hồ sơ đăng ký dự tuyển: theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ hiện hành của ĐHTN.

2. Bổ sung thêm trong hồ sơ các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo Đề án 89 (Phụ lục I - Mẫu 01).
- Bản sao quyết định tuyển dụng viên chức hoặc hợp đồng lao động.
- Bản cam kết đối với người dự tuyển (Phụ lục I - Mẫu 02).
- Công văn của Thủ trưởng đơn vị đề cử giảng viên đi đào tạo theo Đề án 89.

Điều 17. Tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo

Tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ thực hiện theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc ĐHTN.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Đăng ký đào tạo theo Đề án

1. ĐHTN khuyến khích các đơn vị đào tạo có nhu cầu tham gia đào tạo trong phạm vi Đề án 89 và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đối với đơn vị đào tạo của ĐHTN: ngành đào tạo có tên trong những bảng xếp hạng ngành hoặc lĩnh vực đào tạo có uy tín của thế giới được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận ít nhất 01 lần trong 05 năm cuối tính đến thời điểm được xét chọn; hoặc ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ đã tuyển sinh và tổ chức đào tạo từ 05 năm trở lên, có ít nhất 05 nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp và được cấp bằng trong vòng 05 năm gần nhất; ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ có ít nhất 05 khóa đào tạo đã tốt nghiệp và được cấp bằng.

b) Đối với cơ sở đào tạo ở nước ngoài: ngành đào tạo ở trình độ tiến sĩ, trừ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật, nhóm ngành thể dục và thể thao, nằm trong nhóm 500 tốt nhất của những bảng xếp hạng ngành hoặc lĩnh vực đào tạo có uy tín của thế giới (được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) ít nhất 01 lần trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh sách các cơ sở đào tạo trong phạm vi Đề án 89. Danh sách các cơ sở đào tạo những ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật, nhóm ngành thể dục và thể thao (bao gồm cả trình độ tiến sĩ và thạc sĩ) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất.

c) Đơn vị đào tạo thực hiện liên kết đào tạo ở trình độ tiến sĩ phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều này đối với cơ sở đào tạo ở trong nước, yêu cầu tại điểm b khoản 1 Điều này đối với cơ sở đào tạo nước ngoài và những quy định hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

2. Đối với hình thức đào tạo toàn thời gian ở trong nước, các đơn vị đào tạo đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 1 Điều này xây dựng đề án theo mẫu tại Phụ lục II (kèm theo Quy định này), gửi 02 bản đề án cùng các minh chứng về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) trước ngày 31 tháng 8 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Giám đốc ĐHTN trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định.

3. Đối với hình thức liên kết đào tạo, các đơn vị đào tạo đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này xây dựng Đề án liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành, gửi 02 bản đề án cùng các minh chứng về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) trước ngày 15 tháng 8 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Giám đốc ĐHTN trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định.

Điều 19. Quản lý và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 đối với đơn vị đào tạo

1. Hằng năm, các đơn vị đào tạo xây dựng dự toán thực hiện Đề án 89 theo hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định.

2. Thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho người học đã có quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học chính thức theo quy định; theo dõi, tổng hợp

thông tin về việc cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án 89 cho người học trong cả quá trình đào tạo và cập nhật thường xuyên vào hệ thống cơ sở dữ liệu về Đề án 89.

3. Thực hiện những quy định liên quan khác theo hướng dẫn về chế độ tài chính thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Đơn vị đào tạo tổ chức tuyển chọn công khai, minh bạch và bảo đảm công bằng; chịu trách nhiệm giải trình về quy trình tuyển chọn giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn đi đào tạo đúng đối tượng và đủ điều kiện; giải quyết những phát sinh thuộc thẩm quyền trong quá trình triển khai Đề án 89 tại cơ sở.

2. Định kỳ vào ngày 01 tháng 12 hằng năm, đơn vị đào tạo thực hiện báo cáo ĐHTN danh sách số lượng người học tham gia Đề án 89 được cử đi và số lượng người học theo Đề án 89 tại đơn vị theo mẫu tại Phụ lục III (kèm theo Quy định này).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) để báo cáo Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 1031 /QĐ-ĐHTN ngày 21 tháng 3 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Mẫu 01: Phiếu đăng ký dự tuyển đi đào tạo ở trong nước theo Đề án 89

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ/THẠC SĨ
THEO ĐỀ ÁN 89 - NĂM 202...**

Ngành học đăng ký dự tuyển:.....

1. Họ và tên:..... Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ Dân tộc:.....

2. Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

3. Chức vụ và CQ đang công tác:

Là cán bộ: Biên chế ☐ Hợp đồng ☐ từ ngày.....tháng.....năm 20.....

Sẽ được tuyển dụng sau khi TN ☐ Mới TN chưa đi làm ☐ TN đại học ☐ Năm TN 20....

TN thạc sĩ ☐ Năm tốt nghiệp: 20.....

5. Địa chỉ gửi thư:

Điện thoại: Cơ quan.....Nhà riêng.....ĐD.....E-mail:.....

6. Quá trình đào tạo

6.1. Đại học:

Thời gian đào tạo:..... năm. Từ nămđến năm.....

Trường Đại học:..... Nước

Ngành đào tạo:..... Hệ đào tạo: Chính quy ☐ Tại chức ☐

Đào tạo phối hợp ☐

Cơ sở đào tạo trong nước:

Thời gian: từđến.....

Cơ sở đào tạo phối hợp:

Nước.....

Thời gian: từđến.....

Loại hình đào tạo khác (ghi rõ):CS đào tạo:

Điểm trung bình học tập toàn khóa:.....Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp:.....

Loại tốt nghiệp (nếu có):.....

(Nếu không phải là thang điểm 10 thì cần ghi rõ điểm học tập /thang điểm của nơi học và tính quy đổi tương đương sang thang điểm 10, kèm theo bản sao thông tin chính thức về thang điểm, xếp loại của nơi học).

6.2. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo:.....năm. Từ nămđến năm.....

Chuyên ngành đào tạo:..... Hệ đào tạo: Chính quy ☐ i chức ☐

Đào tạo phối hợp ☐

Cơ sở đào tạo trong nước:Thời gian: từ.....đến.....

Cơ sở đào tạo phối hợp:

Nước.....Thời gian: từđến.....

Điểm trung bình học tập toàn khóa:Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp:.....

Loại tốt nghiệp (nếu có):.....

7. Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ ☐ Chưa có chứng chỉ ☐

Tiếng Anh:IELTSTOEFL. Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CỬ DỰ TUYỂN

....., ngày / /20.....

Ngày / /20.....

(Thủ trưởng đơn vị ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 02: Bản cam kết đối với người dự tuyển đi đào tạo ở trong nước theo Đề án 89

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

**THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ GIỮA GIẢNG VIÊN,
BỐ (MẸ HOẶC NGƯỜI BẢO LÃNH) VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC/CAO ĐẲNG CỬ
GIẢNG VIÊN ĐI ĐÀO TẠO Ở TRONG NƯỚC THEO ĐỀ ÁN 89**

I. PHẦN CAM KẾT CỦA GIẢNG VIÊN

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên

Tên tôi là:

Sinh ngày: Số CMND hoặc hộ chiếu

Cấp ngày.....tại.....

Hiện là :

Được Nhà nước cử đi học tiến s/thạc sĩ tại Đại học Thái Nguyên theo Đề án 89. Tôi xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau:

1. Chấp hành nghiêm túc Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Đại học Thái Nguyên và của đơn vị đào tạo. Tuân thủ mọi quy định hiện hành của Nhà nước, của trường cử đi học đối với việc được nhận học bổng nhà nước đi đào tạo theo Đề án 89.
2. Cam kết tích cực học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn được cho phép. Nếu phải gia hạn sẽ tự túc kinh phí trong thời gian gia hạn.
3. Trong thời gian 3 tháng kể từ khi kết thúc khoá học phải trở về trường đại học/cao đẳng cử đi đào tạo để hoàn thành thủ tục báo cáo tốt nghiệp và thủ tục tiếp nhận lại/tuyển dụng đối với trường cử đi học; quyết toán kinh phí liên quan.
4. Tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian đi học (đối với đối tượng đang là giảng viên/cán bộ biên chế hoặc hợp đồng)
5. Sau khi tốt nghiệp, cam kết làm việc lâu dài (ít nhất gấp đôi thời gian đào tạo) cho trường cử đi học.
6. Nếu không thực hiện đúng các điều đã cam kết trên, tôi xin bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo theo các quy định hiện hành của Nhà nước và chịu xử lý kỷ luật theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của trường đại học, cao đẳng cử đi đào tạo.

....., ngày tháng năm

Người cam kết

(ký và ghi rõ họ tên)

II. CAM KẾT CỦA BỐ (MẸ HOẶC NGƯỜI BẢO LÃNH)

(cho đối tượng là người học vừa tốt nghiệp đại học)

Họ và tên bố (mẹ)/người bảo lãnh:

Công tác tại:

Địa chỉ:

đại diện cho gia đình NCS....., chúng tôi cam kết:

- Nhắc nhở, động viên con chúng tôi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã được quy định đối với người học.

- Có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ học bổng và chi phí đào tạo đã được Nhà nước cấp cho con chúng tôi nếu con chúng tôi không thực hiện đúng cam kết.

....., ngày tháng ... năm

Bố (hoặc mẹ)/người bảo lãnh
(ký và ghi rõ họ tên)

III. BẢO LÃNH CỦA CƠ SỞ CỬ ĐI

Xác nhận anh/chị là giảng viên của (hoặc đã được trường chúng tôi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp trình độ tiến sĩ/trình độ thạc sĩ theo Đề án 89) . Trường chúng tôi cam kết thực hiện trách nhiệm:

- 1) Tạo điều kiện về mọi mặt cho anh/chị..... được đi đào tạo trình độ tiến sĩ/trình độ thạc sĩ) theo Đề án 89, tiếp nhận lại/ tuyển dụng và bố trí công tác phù hợp với chuyên môn và trình độ đào tạo sau khi tốt nghiệp.
- 2) Giúp đỡ, tạo điều kiện để anh/chị có tên trên được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian đi đào tạo.
- 3) Phối hợp với gia đình và các cơ quan liên quan yêu cầu anh/chị có tên trên thực hiện đúng, đầy đủ những nghĩa vụ đã nêu trong bản cam kết.
- 4) Bồi thường toàn bộ học bổng và chi phí đào tạo cho Nhà nước nếu không ra quyết định tiếp nhận/tuyển dụng và bố trí công việc cho anh/chị có tên trên sau thời hạn 6 tháng kể từ ngày anh/chị có tên trên hoàn tất thủ tục qui định tại mục 3, phần I của văn bản cam kết này..

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 1031 /QĐ-ĐHTN ngày 21 tháng 3 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÀO TẠO
TIẾN SĨ (hoặc THẠC SĨ) TOÀN THỜI GIAN TRONG NƯỚC

A. ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**Tên cơ sở đào tạo: Phần I. Thông tin chung**

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo tiến sĩ; số lượng các ngành đào tạo tiến sĩ và những ngành thuộc thể mạnh của cơ sở đào tạo; quy mô nghiên cứu sinh (NCS), tổng số NCS đã tốt nghiệp và được cấp bằng; thành tích nghiên cứu khoa học, tổng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký đào tạo cho Đề án; tạp chí khoa học do cơ sở đào tạo xuất bản (nếu có): tên, năm bắt đầu ấn hành, số kỳ xuất bản mỗi năm, tổ chức và hoạt động, cơ chế biên tập và phản biện, uy tín và chất lượng,... và những thông tin liên quan khác

Phần II. Điều kiện và năng lực đào tạo của từng ngành đăng ký đào tạo**2.1. Ngành đào tạo.....****2.1.1. Thông tin về ngành đào tạo:**

- Năm được giao đào tạo và minh chứng
- Tổng số NCS đã tốt nghiệp
- Đơn vị quản lý chuyên môn (khoa, bộ môn, phòng chuyên môn)

2.1.2 Kết quả đào tạo trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký đào tạo cho Đề án

Bảng 2.1.2. Kết quả đào tạo

STT	Nội dung	Năm ..	Năm ...	Năm	Năm....	Năm....
1	Quy mô đào tạo					
2	Số NCS tuyển mới					
3	Số NCS tốt nghiệp và được cấp bằng tiến sĩ					
4	Số NCS thôi học					

2.1.3. *Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu tham gia đào tạo*

Bảng 2.1.3. Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh	Trình độ	Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ	Số NCS đang hướng dẫn	Số bài báo Wos/Scopus công bố trong 5 năm gần nhất	Số bài báo khác công bố trong 5 năm gần nhất	Số đề tài cấp nhà nước đã tham gia trong 5 năm gần nhất
1									
2									

2.1.4. *Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng*

a) Thư viện

Bảng 2.1.4a Danh sách các thư viện, mạng cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin khoa học trong nước, ở ngoài nước có khả năng kết nối và khai thác

STT	Tên thư viện, mạng CSDL, thông tin khoa học	Tên nước	Đường dẫn và địa chỉ website
1			
2			

b) Phòng làm việc

- Chỗ làm việc cho người hướng dẫn NCS: bình quân số m²/l người hướng dẫn

- Chỗ làm việc cho NCS tại cơ sở đào tạo: bình quân số m²/l NCS c) Phòng thí

nghiệm phục vụ ngành đào tạo

Bảng 2.1.4b. Danh sách phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm

STT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm	Tình trạng trang thiết bị và hiệu suất hoạt động hiện tại
1		
2		

2.1.5. *Hợp tác quốc tế*

a) Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế

Bảng 2.1.5a. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế trong 05 năm gần nhất

STT	Tên hội nghị, hội thảo	Thời gian, địa điểm tổ chức	Đơn vị phối hợp tổ chức	Thông tin về Hội nghị (Trên tạp chí hoặc Website)
1				
2				

b) Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học hợp tác với nước ngoài

Bảng 2.1.5b. Kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học trong 05 năm gần nhất

STT	Tên chương trình, đề tài	Đơn vị hợp tác và Website của đơn vị hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số NCS tham gia (nếu có)	Kết quả nghiên cứu minh chứng bằng công bố khoa học hoặc hình thức khác
1					
2					

c) Hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục ở nước ngoài

Bảng 2.1.5c. Các chương trình liên kết đào tạo tiến sĩ với các cơ sở giáo dục ở nước ngoài

STT	Tên chương trình	Đơn vị hợp tác và Website của đơn vị hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số NCS theo học	Số NCS đã tốt nghiệp
1					
2					

2.2. Ngành đào tạo

... (các nội dung tương tự như 2.1.)

2.3. Ngành đào tạo

... (các nội dung tương tự như 2.1.)

Ghi chú: Trường hợp có nhiều ngành cùng nhóm ngành thì các phần từ 2.1.4 đến 2.1.5 có thể viết chung cho cả nhóm ngành.

Phần III. Tổ chức triển khai

3.1. Nêu rõ dự kiến kế hoạch và phương thức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quy trình tổ chức đào tạo, cách thức triển khai cho người học trong phạm vi Đề án.

3.2. Cam kết về kết quả đầu ra của NCS theo quy định của cơ sở đào tạo và của Đề án

- Số lượng bài báo khoa học công bố trong nước (tạp chí ngành tính đến 0,75 điểm trở lên của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước quy định)

- Số lượng công bố trong các ấn phẩm WoS/Scopus

- Số lượng hội thảo khoa học (trong nước, nước ngoài) tham gia có báo cáo

3.3. Dự toán chi phí đào tạo 01 NCS học trong nước và mức học phí công bố (có thể tính theo ngành, nhóm ngành nếu có sự khác nhau giữa các ngành).

B. ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Tên cơ sở đào tạo: Phần I. Thông tin chung

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo:

Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo: lịch sử phát triển, năm thành lập, năm bắt đầu đào tạo thạc sĩ; số lượng các ngành đào tạo, những ngành thuộc thế mạnh của cơ sở đào tạo; quy mô đào tạo và kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong đào tạo và những thông tin liên quan khác.

Phần II. Điều kiện và năng lực đào tạo của từng ngành đăng ký đào tạo

2.1. Ngành đào tạo

2.1.1. Thông tin về ngành đào tạo

- Năm được giao đào tạo kèm theo minh chứng
- Số khóa đào tạo đã tốt nghiệp
- Đơn vị quản lý chuyên môn (khoa, bộ môn, phòng chuyên môn)

2.1.2 Kết quả đào tạo trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký đào tạo cho Đề án

Bảng 2.1.2. Kết quả đào tạo của ngành

STT	Thông tin chung	Năm...	Năm....	Năm ...	Năm....	Năm....
1	Quy mô đào tạo					
2	Số học viên tuyển mới					
3	Số học viên tốt nghiệp và cấp bằng					
4	Số học viên thôi học					

2.1.3. Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu tham gia đào tạo ngành

Bảng 2.1.3. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh	Trình độ	Số học viên cao học đã hướng dẫn (nếu có)	Số bài báo WoS/Scopus công bố trong 5 năm gần nhất	Số bài báo khác công bố trong 5 năm gần nhất	Số đề tài cấp nhà nước đã tham gia trong 5 năm gần nhất
1								
2								

2.1.4. Cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng

Phòng học, thực hành, thí nghiệm, thư viện...

2.1.5. Hợp tác quốc tế

- a) Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế
- b) Hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục ở nước ngoài

2.2. Ngành đào tạo

... (các nội dung tương tự như 2.1)

2.3. Ngành đào tạo

... (các nội dung tương tự như 2.1)

Ghi chú: Trường hợp có nhiều ngành cùng nhóm ngành thì các phần từ 2.1.4 đến 2.1.5 có thể viết chung cho cả nhóm ngành.

Phần III. Tổ chức triển khai

3.1. Nêu rõ dự kiến kế hoạch và phương thức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quy trình tổ chức đào tạo, cách thức triển khai cho người học trong phạm vi Đề án.

3.3. Cam kết về kết quả đầu ra của học theo quy định của cơ sở đào tạo và theo Đề án (nếu có).

3.3. Dự toán chi phí đào tạo 01 học viên học trong nước, mức học phí công bố (tính theo ngành, nhóm ngành nếu có sự khác nhau giữa các ngành).

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 1031 /QĐ-ĐHTN ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TRIỂN KHAI ĐÀO TẠO THEO ĐỀ ÁN 89 NĂM ...

(Kèm theo Công văn số / ngày tháng năm 20...)

1. Danh sách người học tiến sĩ đã nhập học chính thức

STT	Quyết định phê duyệt của Bộ GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính (*)		Cơ sở cử đi học	Ngành học	Mã ngành	Quyết định công nhận NCS	Năm dự kiến kết thúc khóa học	Cơ sở đào tạo
					Nam	Nữ						
1						X						
2					X							
Tổng												

Danh sách có người học

2. Danh sách người học thạc sĩ đã nhập học chính thức (Chỉ đối với các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và thể dục, thể thao)

STT	Quyết định phê duyệt của Bộ GDĐT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính (*)		Cơ sở cử đi	Ngành học	Mã ngành	Quyết định công nhận học viên thạc sĩ	Năm dự kiến kết thúc khóa học	Cơ sở đào tạo
					Nam	Nữ						
1						X						
2					X							
Tổng												

Danh sách có người học

(*) sử dụng dấu X để điền vào các dòng

Người lập danh sách
Liên hệ (số điện thoại và email)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)